

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 674/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17-6-2025
“V/v tranh chấp Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thanh Thuận
2. Bà Kiều Thị Thanh Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Quế Linh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: bà
Trịnh Thị Diệu Thuý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 295/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà PNTT, sinh năm 19xx;

Căn cước công dân số 079xx; nơi cấp: Cục trưởng cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21/12/2021;

Địa chỉ thường trú: aa TK, Phường B, Quận C, Thành phố H; Địa chỉ: số dd đường E, phường BTĐB, quận BT, Thành phố H (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: ông NCT, sinh năm 19xx;

Căn cước công dân số 084xx; nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội ngày 13/01/2022;

Địa chỉ thường trú: ff NTL, phường TT, quận BT, Thành phố H; Địa chỉ: số dd đường E, phường BTĐB, quận BT, Thành phố H (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2025, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà PNTT trình bày: Bà và ông NCT kết hôn với nhau từ năm 2018 theo giấy chứng nhận kết hôn số xx do Ủy ban nhân dân phường TT, quận BT, Thành phố H cấp ngày 13/4/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại gia đình chồng, đến năm 2020 thì cả hai chuyển về sống ở nhà cha mẹ bà T tại số dd

đường E, phường BTĐB, quận BT, Thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc, vợ chồng không có tiếng nói chung, tính tình không hợp nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, vợ chồng sống ly thân từ cuối tháng 02/2025 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, khả năng hàn gắn đoàn tụ không có nên bà yêu cầu được ly hôn với ông NCT để ổn định cuộc sống. Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông NCT trình bày: Ông và bà PNTT kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TT, quận BT, Thành phố H. Trong quá trình chung sống vợ chồng hay cãi nhau do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm, cả hai sống ly thân từ tháng 3/2025 đến nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn với bà T. Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nhưng vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đồng ý ly hôn, có đơn xin vắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự. Căn cứ Điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: bà PNTT có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn ông NCT. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng: Do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét, bà T và ông T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông T1.

[3] Về nội dung:

Bà PNTT và ông NCT đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn xx do Ủy ban nhân dân phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày

13/4/2018. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn thì đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3.1] Xét yêu cầu của bà T về việc yêu cầu được ly hôn với ông T1 vì lý do cả hai không có tiếng nói chung, tính tình không hợp nhau, tình cảm không còn và mong muốn ổn định cuộc sống. Về phía ông T1 xác nhận vợ chồng bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân từ tháng 3/2025 đến nay, ông đồng ý ly hôn với bà T. Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Xét thấy mâu thuẫn tình cảm giữa bà T và ông T1 đã thật sự trầm trọng, hai bên cũng thống nhất thuận tình ly hôn. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3.2] Về con chung: bà T và ông T1 không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: bà T và ông T1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nguyên đơn bà PNTT phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 228, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19, 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà PNTT.

- Về quan hệ hôn nhân: bà PNTT được ly hôn với ông ông NCT.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà T phải nộp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được căn trừ vào số tiền đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo

biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0076888 ngày 02/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: bà T, ông T1 có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện ĐKKH
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trâm

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày 17 tháng 6 năm 2025

Tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Hội đồng xét xử sơ thẩm với thành phần gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thanh Thuận
2. Bà Kiều Thị Thanh Nguyên

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 306/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2025, về việc: “ Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 295/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Phạm Ngọc Thanh Tuyền, sinh năm 1988;

Căn cước công dân số 079188019034; nơi cấp: Cục trưởng cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21/12/2021;

Địa chỉ thường trú: 12A Thuận Kiều, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: số 7 đường 21A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Chí Thiện, sinh năm 1988;

Căn cước công dân số 084088000029; nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội ngày 13/01/2022;

Địa chỉ thường trú: 36/9/10/27 Nguyễn Triệu Luật, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: số 7 đường 21A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu, Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết 3/3, quyết định những vấn đề sau:

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào:

- Căn cứ Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 228, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19, 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc Thanh Tuyền.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Ngọc Thanh Tuyền được ly hôn với ông Nguyễn Chí Thiện.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Tuyên phải nộp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được căn trừ vào số tiền đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0076888 ngày 02/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: bà Tuyên, ông Thiện có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Buổi nghị án kết thúc lúc giờ phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Trâm